

Số: 34 /2025/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 09 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng,
định mức kinh tế - kỹ thuật tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện
vận động viên Bóng đá thành phố Hải Phòng

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều về biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ về quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách Nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong các lĩnh vực văn hoá, gia đình, thể dục, thể thao, thông tin, báo chí, xuất bản và du lịch thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2795/2016/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng;

Theo đề nghị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Văn bản 31/TTr-SVHTTDL ngày 12/5/2025 và của Sở Tư pháp tại Văn bản số 104/BC-STP ngày 09/5/2025;

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định ban hành Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, định mức kinh tế - kỹ thuật tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện vận động viên Bóng đá thành phố Hải Phòng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, định mức kinh tế - kỹ thuật tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện vận động viên Bóng đá thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thực thi hành từ ngày **20** tháng **6** năm 2025

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tư pháp, Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT TU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Vụ Pháp chế, Bộ VHTTDL;
- VP Thành ủy, Ban TG & DV TU;
- VP Đoàn ĐB QH & HĐND TP;
- Các Ban HĐND TP;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Báo chí và Truyền thông TP;
- Công báo TP, Cổng TTĐT TP;
- Các PCVP UBND TP;
- Các Phòng: VX, NCKTGS;
- Lưu: VT, VX, VH1.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng



QUY ĐỊNH

Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, định mức kinh tế - kỹ thuật tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện vận động viên Bóng đá thành phố Hải Phòng
(Ban hành kèm theo Quyết định số **34** /2025/QĐ-UBND ngày **09** tháng **6** năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, định mức kinh tế - kỹ thuật tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện vận động viên Bóng đá Hải Phòng sử dụng ngân sách nhà nước theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện vận động viên Bóng đá sử dụng ngân sách nhà nước sau đây gọi là dịch vụ sự nghiệp công.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia, thực hiện tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện vận động viên Bóng đá thành phố Hải Phòng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Hướng dẫn áp dụng

1. Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, định mức kinh tế - kỹ thuật tổ chức dịch vụ sự nghiệp công được ban hành để sử dụng vào việc xây dựng dự toán của hoạt động tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện vận động viên Bóng đá.

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật là mức hao phí cần thiết về lao động, về nguyên vật liệu, máy móc thiết bị, dụng cụ và phương tiện để hoàn thành một đơn vị sản phẩm (hoặc một khối lượng công việc nhất định), trong một điều kiện cụ thể của hoạt động tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện vận động viên Bóng đá.

3. Định mức kinh tế - kỹ thuật tại Quy định này là định mức tối đa. Căn cứ vào điều kiện thực tế, cơ quan, đơn vị xem xét xác định định mức cho phù hợp để làm cơ sở cho việc xây dựng dự toán của hoạt động tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện vận động viên Bóng đá.

4. Kinh phí tổ chức dịch vụ sự nghiệp công được quản lý, sử dụng theo đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành

và trong phạm vi dự toán chi ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao. Các khoản chi thực tế, các dịch vụ thuê mướn khác khi thanh toán phải có đầy đủ báo giá, hợp đồng, hóa đơn và các chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo quy định. Đối với các nội dung chi trả dịch vụ thuê ngoài nếu thuộc hạn mức phải đấu thầu thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

5. Trong trường hợp có những phát sinh ngoài Quy định này, cơ quan, đơn vị xây dựng dự toán kinh phí, báo cáo và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Cơ quan, đơn vị thực hiện dịch vụ sự nghiệp công có trách nhiệm xây dựng dự toán, thanh toán và quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Cơ sở xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018.

2. Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu.

3. Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thể dục, thể thao.

4. Thông tư số 18/2018/TT-BVHTTDL ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng đá.

5. Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao.

6. Thông tư 05/2021/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc quy định tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị tập huấn, thi đấu thể thao cho vận động viên, huấn luyện viên đội tuyển quốc gia.

7. Quyết định số 511/QĐ-BVHTTDL ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc quy định Tiêu chí, tiêu chuẩn, nội dung, quy trình cung cấp dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao thành tích cao.

8. Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu của thành phố Hải Phòng.

9. Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thể thao quốc gia.

10. Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành phố Hải Phòng đạt thành tích tại các giải thể thao quốc tế.

11. Các chế độ, định mức khác áp dụng theo các quy định của nhà nước hiện hành; tham khảo một số địa phương đã triển khai thực hiện và yêu cầu thực tế và các điều kiện trong hoạt động đào tạo, huấn luyện vận động viên môn Bóng đá.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức dịch vụ sự nghiệp công

1. Bảo đảm chất lượng, hiệu quả nhiệm vụ được giao.
2. Các nội dung, định mức không được vượt quá tiêu chuẩn, chế độ quy định hiện hành của Nhà nước.
3. Tính đúng, tính đủ, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và tính chất của nhiệm vụ được giao.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng của dịch vụ sự nghiệp công

1. Về tổ chức và quản lý

Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện vận động viên Bóng đá thành phố Hải Phòng có chức năng, nhiệm vụ phù hợp với hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công hoặc có ngành, nghề đăng ký kinh doanh phù hợp với dịch vụ sự nghiệp công, có đội ngũ nhân lực đáp ứng các yêu cầu về quản lý, đào tạo, huấn luyện Bóng đá, y tế, dinh dưỡng và an ninh trật tự.

2. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo, huấn luyện vận động viên Bóng đá đáp ứng yêu cầu để đào tạo các vận động viên cấp tỉnh, quốc gia, quốc tế và phù hợp với quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Liên đoàn Bóng đá Việt Nam, Châu lục và thế giới.

3. Về chất lượng tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện vận động viên Bóng đá

a) Đạt thành tích cao tại các giải trẻ trong hệ thống thi đấu của Liên đoàn Bóng đá Việt Nam, có đóng góp vận động viên cho cho đội Bóng đá chuyên nghiệp thành phố.

b) Đáp ứng yêu cầu hưởng thụ dịch vụ thể thao của nhân dân, người hâm mộ; đáp ứng yêu cầu về chuyên môn được theo quy định cụ thể của môn Bóng đá.

Điều 7. Định mức kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ sự nghiệp công

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công bao gồm các định mức: Lao động; cơ sở vật chất; trang thiết bị; vật tư.

2. Định mức lao động là mức tiêu hao lao động cần thiết của người lao động để hoàn thành việc thực hiện một khối lượng công việc của dịch vụ sự nghiệp công, gồm:

a) Số lượng thành viên ban huấn luyện trong các đội tuyển theo yêu cầu tập luyện. Đơn vị tính là số lượng thành viên/đội.

b) Thời gian đào tạo, huấn luyện trực tiếp 01 (một) vận động viên. Đơn vị tính là giờ/ngày.

c) Thời gian quản lý, phục vụ công tác đào tạo, huấn luyện 01 (một) vận động viên. Đơn vị tính là giờ/ngày.

3. Định mức cơ sở vật chất là thời gian sử dụng và diện tích sử dụng để tổ chức dịch vụ sự nghiệp công, gồm:

a) Từng loại cơ sở vật chất đào tạo, huấn luyện 01 (một) vận động viên.

b) Thời gian sử dụng và diện tích sử dụng cho 01 (một) vận động viên. Đơn vị tính là tháng.

4. Định mức trang thiết bị là mức tiêu hao đối với từng loại trang thiết bị để hoàn thành việc thực hiện một khối lượng công việc của dịch vụ sự nghiệp công, gồm:

a) Chung loại thiết bị đào tạo, huấn luyện 01 (một) vận động viên.

b) Thông số kỹ thuật cơ bản của trang thiết bị.

c) Thời gian sử dụng và tiêu hao từng chủng loại trang thiết bị. Đơn vị tính là tháng.

5. Định mức vật tư là mức tiêu hao từng loại nguyên, nhiên liệu, công cụ dụng cụ cần thiết hoàn thành việc thực hiện một khối lượng công việc của dịch vụ sự nghiệp công, gồm:

a) Chung loại vật tư đào tạo, huấn luyện 01 (một) vận động viên.

b) Tỷ lệ (%) thu hồi. Đơn vị tính là số lượng/tháng.

c) Thông số kỹ thuật của từng loại vật tư phù hợp trong đào tạo, huấn luyện.

6. Định mức kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ sự nghiệp công được quy định tại Phụ lục kèm theo Quy định này.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

PHỤ LỤC

Định mức kinh tế - kỹ thuật tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện vận động viên Bóng đá thành phố Hải Phòng

(Đào tạo, huấn luyện vận động viên trong điều kiện triệu tập đội tuyển các tuyến trẻ)

I. Định mức lao động

TT	Đối tượng	Người thực hiện	Lao động trực tiếp	Lao động gián tiếp
A	Định mức lao động trực tiếp			
1	Huấn luyện viên trưởng	01 huấn luyện viên/đội	08 giờ/ngày	
2	Huấn luyện viên thủ môn	01 huấn luyện viên/đội	08 giờ/ngày	
3	Huấn luyện viên hậu vệ	01 huấn luyện viên/đội	08 giờ/ngày	
4	Huấn luyện viên tiền vệ	01 huấn luyện viên/đội	08 giờ/ngày	
5	Huấn luyện viên tiền đạo	01 huấn luyện viên/đội	08 giờ/ngày	
6	Huấn luyện viên thể lực	01 huấn luyện viên/đội	08 giờ/ngày	
B	Định mức lao động gián tiếp			
1	Quản lý	01 người/đội		08 giờ/ngày
2	Bác sỹ	01 bác sỹ/đội		08 giờ/ngày
3	Nhân viên phục vụ	01 người/đội		08 giờ/ngày
4	Cán bộ phân tích kỹ thuật	02 người		08 giờ/ngày
5	Nhân viên lao động gián tiếp liên quan công tác đào tạo VĐV	25 người		08 giờ/ngày

II. Định mức cơ sở vật chất

STT	Tên gọi	Diện tích chỗ trung bình tính cho 01 VĐV (m ²)	Tổng thời gian tập tính cho 01 VĐV (giờ/ngày)
1	Định mức phòng tập thể lực	6 m ²	01 giờ/ngày
2	Định mức phòng hồi phục	12 m ²	01 giờ/ngày
3	Định mức phòng học lý thuyết	2 m ²	01 giờ/ngày
4	Định mức phòng/sân tập chuyên môn		
	Sân bóng đá	990 m ²	06 giờ/ngày
5	Định mức phòng hồi phục	12 m ²	01 giờ/ngày
6	Định mức nhà ăn	1,5 m ²	02 giờ/ngày
7	Định mức nhà nghỉ	12 m ²	09 giờ/ngày
8	Định mức nhà sinh hoạt chung	5 m ²	02 giờ/ngày

III. Định mức trang thiết bị

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật	Định mức	Thời gian sử dụng (giờ/ngày)	Thời hạn sử dụng (tháng)	Ghi chú
A	Trang thiết bị tập thể lực chung						
1	Bóng tập thể lực đa năng	Quả/đội	BoSu	02	01 giờ/ngày	Quy định NSX	
2	Ghế gấp bụng	Chiếc/đội	MBH	02	01 giờ/ngày	Quy định NSX	
3	Giàn tạ đa năng	Chiếc/đội	Natilus	02	01 giờ/ngày	Quy định NSX	
4	Giàn tạ đôi 24kg đến 26kg	Bộ/đội	<u>Thép đặc</u>	02	01 giờ/ngày	Quy định NSX	
5	Giàn tạ đôi 4kg đến 22kg	Bộ/đội	<u>Thép đặc</u>	02	01 giờ/ngày	Quy định NSX	
6	Máy đập đùi	Chiếc/đội	MBH	02	01 giờ/ngày	Quy định NSX	
7	Máy kéo cơ lưng	Chiếc/đội	MBH	02	01 giờ/ngày	Quy định NSX	
8	Máy kéo đùi sau	Chiếc/đội	MBH	02	01 giờ/ngày	Quy định NSX	
9	Máy tập duỗi cơ đùi trước	Chiếc/đội	MBH	02	01 giờ/ngày	Quy định NSX	
10	Máy tập ép, mở đùi	Chiếc/đội	MBH	02	01 giờ/ngày	Quy định NSX	
11	Máy đẩy vai	Chiếc/đội	MBH	02	01 giờ/ngày	Quy định NSX	
12	Máy tập bấp chuối	Chiếc/đội	MBH	02	01 giờ/ngày	Quy định NSX	
13	Máy tập đa năng hỗ trợ	Chiếc/đội	MBH	02	01 giờ/ngày	Quy định NSX	
14	Máy chạy	Chiếc/đội	MBH	02	01 giờ/ngày	Quy định NSX	
15	Ghế căng tập lưng	Chiếc/đội	MBH	02	01 giờ/ngày	Quy định NSX	
16	Ghế đẩy ngực dốc lên	Chiếc/đội	MBH	02	01 giờ/ngày	Quy định NSX	
17	Ghế đẩy ngực dốc xuống	Chiếc/đội	MBH	02	01 giờ/ngày	Quy định NSX	
18	Ghế đẩy ngực ngang	Chiếc/đội	MBH	02	01 giờ/ngày	Quy định NSX	
19	Khung nâng gối, đu xà	Chiếc/đội	MBH	02	01 giờ/ngày	Quy định NSX	
20	Tạ tay	Bộ/đội	MBH	02	01 giờ/ngày	Quy định NSX	
B	Trang thiết bị chung (thường xuyên).						
1	Còi	Chiếc/hlv	Việt Nam	03	08 giờ/ngày	12 tháng	
2	Đồng hồ bấm giây	Chiếc/hlv	Việt Nam	02	08 giờ/ngày	12 tháng	
3	Giày tập thể lực	Đôi/người	Việt Nam	06	02 giờ/ngày	12 tháng	
4	Giày thể thao	Đôi/người	Việt Nam	03	08 giờ/ngày	12 tháng	
5	Khăn tắm	Chiếc/người	Việt Nam	06	02 giờ/ngày	12 tháng	

6	Mũ mềm	Chiếc/người	Việt Nam	03	02 giờ/ngày	12 tháng	
7	Quần áo cộc	Bộ/người	Việt Nam	06	02 giờ/ngày	12 tháng	
8	Quần áo Suveterman	Bộ/người	Việt Nam	02	02 giờ/ngày	12 tháng	
9	Tất	Đôi/người	Việt Nam	18	02 giờ/ngày	12 tháng	
10	Túi xách đi thi đấu	Chiếc/người	Việt Nam	02	02 giờ/ngày	12 tháng	
C Trang thiết bị tập luyện và thi đấu							
1	Áo chiến thuật	Chiếc/VĐV	Quy định quốc tế	06	08 giờ/ngày	12 tháng	
2	Quần Áo gió (chống mưa)	Bộ/người	Việt Nam	03	02 giờ/ngày	12 tháng	
3	Bảng chiến thuật cá nhân	Chiếc/đội	Việt Nam	03	06 giờ/ngày	Quy định NSX	
4	Bình đựng nước	Chiếc/vđv	Chất liệu nhựa	06	06 giờ/ngày	12 tháng	
5	Bịt đầu gối	Chiếc/vđv	Việt Nam	03	04 giờ/ngày	12 tháng	
6	Bịt ống quyển	Đôi/người	Quy định quốc tế	08	08 giờ/ngày	12 tháng	
7	Bộ cờ góc	Chiếc/đội	Việt Nam	12	08 giờ/ngày	12 tháng	
8	Bóng da (tập thể lực)	Quả/VĐV	Việt Nam	02	04 giờ/ngày	12 tháng	
9	Bóng tập luyện	Quả/vđv	Quy định quốc tế	12	08 giờ/ngày	12 tháng	
10	Cột dẫn bóng	Bộ/đội	Quy định quốc tế	06	08 giờ/ngày	12 tháng	
11	Cột mốc	Bộ/đội	Quy định quốc tế	06	08 giờ/ngày	12 tháng	
12	Dây nhảy	Chiếc/người	Dây PVC	06	02 giờ/ngày	12 tháng	
13	Găng tay thủ môn	Đôi/hlv	Quy định quốc tế	06	08 giờ/ngày	12 tháng	
14	Găng tay thủ môn	Đôi/vđv	Quy định quốc tế	12	08 giờ/ngày	12 tháng	
15	Giày da tập luyện	đôi/VĐV	Việt Nam	06	08 giờ/ngày	12 tháng	

16	Giày da thi đấu	Đôi/vđv	Luật quy định	03	06 giờ/ngày	12 tháng	
17	Giày bata tập luyện	Đôi/người	Việt Nam	03	04 giờ/ngày	12 tháng	
18	Hình nộm đá phạt	Bộ/đội	Chất liệu nhựa	02	02 giờ/ngày	12 tháng	
19	Khung cầu môn	Chiếc/đội	Việt Nam	06	08 giờ/ngày	Quy định NSX	
20	Lưới cầu môn	Chiếc/đội	Việt Nam	06	08 giờ/ngày	6 tháng	
21	Máy quay Cameral	Chiếc/đội	4K Full HD	03	06 giờ/ngày	Quy định NSX	
22	Máy vi tính xách tay	Chiếc/đội	Tiêu chuẩn quốc tế	03	06 giờ/ngày	Quy định NSX	
23	Quần áo sinh hoạt chung	Bộ/người	Việt Nam	06	08 giờ/ngày	12 tháng	
24	Quần áo tập	Bộ/người	Quy định quốc tế	12	08 giờ/ngày	12 tháng	
25	Quần áo thi đấu	Bộ/vđv	Luật quy định	06	06 giờ/ngày	12 tháng	
26	Tất dài tập	Đôi/người	Quy định quốc tế	12	08 giờ/ngày	12 tháng	
27	Ti vi	Chiếc/đội	42 inh	02	06 giờ/ngày	Quy định NSX	
28	Túi đựng bóng	Chiếc/vđv	Quy định quốc tế	02	08 giờ/ngày	12 tháng	
29	Túi xách đựng đồ tập luyện	Chiếc/người	Quy định quốc tế	06	08 giờ/ngày	12 tháng	
30	Va ly đựng đồ	Chiếc/người	Quy định quốc tế	02	02 giờ/ngày	12 tháng	
31	Giày tập thể lực	Cái/đội	Quy định quốc tế	03	02 giờ/ngày	12 tháng	
32	Thang dây tập thể lực	Cái/đội	Quy định quốc tế	03	02 giờ/ngày	12 tháng	
33	Vòng tròn tập thể lực	Bộ/đội	Quy định quốc tế	02	02 giờ/ngày	12 tháng	
34	Bàn kéo tập thể lực	Cái/đội	Quy định quốc tế	07	02 giờ/ngày	12 tháng	
35	Máy chiếu+ màn chiếu	Bộ	Quy định quốc tế	03	02 giờ/ngày	Quy định NSX	

36	Rào cao KT: 50cm x 60 cm	Bộ/ đội	Việt Nam	03	02 giờ/ngày	12 tháng	
37	Rào trung bình KT: 40cm x 60 cm	Bộ/ đội	Việt Nam	03	02 giờ/ngày	12 tháng	
38	Rào thấp KT: 20cm x 40 cm	Bộ/ đội	Việt Nam	03	02 giờ/ngày	12 tháng	
39	Cọc luồn KT: 150cm	Bộ/ đội	Việt Nam	03	02 giờ/ngày	12 tháng	
40	Cân điện tử	Chiếc	Quy định quốc tế	06	02 giờ/ngày	Quy định NSX	
41	Thước đo chiều cao	Bộ	Quy định quốc tế	06	02 giờ/ngày	Quy định NSX	
42	Thùng đựng đá	Cái/ đội	Quy định quốc tế	06	02 giờ/ngày	Quy định NSX	
D	Dụng cụ nghiệp dư						
1	Áo chiến thuật	25 cái/lớp	Quy định quốc tế	04	02 giờ/ngày	12 tháng	
2	Quần áo tập	26 bộ/lớp	Quy định quốc tế	04	02 giờ/ngày	12 tháng	
3	Dây da tập luyện	Đôi/HLV	Quy định quốc tế	03	02 giờ/ngày	12 tháng	
4	Giày tập thể lực	Đôi/HLV	Quy định quốc tế	02	02 giờ/ngày	12 tháng	
5	Cột dẫn bóng (tiêu cao)	Bộ/ lớp	Quy định quốc tế	02	02 giờ/ngày	12 tháng	
6	Áo khoác mưa	Cái/ HLV	Quy định quốc tế	02	02 giờ/ngày	12 tháng	
7	Quần áo ấm suveterman	Bộ/HLV	Quy định quốc tế	02	02 giờ/ngày	12 tháng	
8	Túi đựng bóng tập	Cái/lớp	Quy định quốc tế	04	02 giờ/ngày	12 tháng	
9	Tất tập ngắn	Đôi/HLV	Quy định quốc tế	06	02 giờ/ngày	12 tháng	
10	Bóng tập luyện số 4	25 quả/lớp	Quy định quốc tế	03	02 giờ/ngày	12 tháng	
11	Còi HLV	Chiếc/ HLV	Quy định quốc tế	02	08 giờ/ngày	12 tháng	
12	Đồng hồ bấm giây	Chiếc/ HLV	Casio Nhật	02	08 giờ/ngày	12 tháng	
E	Dụng cụ tuyển chọn						
1	Bóng tập luyện số 4	Quả	Quy định quốc tế	45	02 giờ/ngày	12 tháng	
2	Túi đựng bóng tập	Cái	Quy định quốc tế	03	02 giờ/ngày	12 tháng	

3	Cột dẫn bóng (tiêu cao)	Bộ	Quy định quốc tế	02	02 giờ/ngày	12 tháng	
4	Áo chiến thuật	Cái	Quy định quốc tế	45	02 giờ/ngày	12 tháng	
5	Quần áo tập	Bộ	Quy định quốc tế	45	02 giờ/ngày	12 tháng	
F	Định mức vật tư y tế						
1	Mobic 7,5mg	Vi/ VĐV	Đức	24		12 tháng	
2	Mobic 7,5mg/1,5ml	Ống/VĐV	Đức	24		12 tháng	
3	Anphachoay	Vi/ VĐV	Việt Nam	24		12 tháng	
4	Băng dính tất	cuộn/VĐV	Việt Nam	80		12 tháng	
5	Nước uống	Két/ VĐV	Việt Nam	60		12 tháng	
6	Dầu WARM Gel	Túp/ VĐV	Hà Lan	12		12 tháng	
7	Dầu Jonson baby	Lọ/ VĐV	Mỹ	12		12 tháng	
8	Băng dính cơ	cuộn/VĐV	Hàn Quốc	90		12 tháng	
9	Đường Gucoze	Kg/VĐV	Việt Nam	08		12 tháng	
10	Beroca	Tuýp/VĐV	Úc	12			
11	Effergan	Viên/VĐV	Pháp	06			
12	Biseptol	Vi/VĐV	Việt Nam	02			
13	Băng cuộn đá	Cuộn/VĐV	Việt Nam	02			
14	Băng Ugo Creep	Cuộn/VĐV	Việt Nam	60		12 tháng	
15	Augmentin 1000mg	Hộp/VĐV	Việt Nam	02		12 tháng	
16	Bình xịt lạnh Perkildo	Bình/VĐV	Thái Lan	12		12 tháng	
17	Strepsill	Vi/VĐV	Việt Nam	12		12 tháng	
18	Voltaren	Tuýp/VĐV	Việt Nam	06		12 tháng	